

CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN SÔNG CHẢY 5

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2017**

MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	02 - 03
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04 - 05
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	06 - 07
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	08
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	09 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	11 - 27

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 (gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo này cùng với báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Văn Huyền	Chủ tịch (<i>miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Ông Nguyễn Huy Bách	Chủ tịch (<i>bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Ông Nguyễn Đắc Điệp	Thành viên (<i>miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Ông Phạm Công Nhân	Thành viên (<i>miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Ông Phạm Văn Tuyền	Thành viên (<i>miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Ông Lưu Văn Tân	Thành viên
Ông Vũ Xuân Trường	Thành viên (<i>bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)

Ban Giám đốc

Ông Lưu Văn Tân	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Đức	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Hồng Nhung	Trưởng ban (<i>miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Bà Nguyễn Thị Thu Huyền	Trưởng ban (<i>bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Ông Phạm Quang Tuấn	Thành viên (<i>miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Bà Nguyễn Thùy Ninh	Thành viên (<i>miễn nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Bà Lê Thị Oanh	Thành viên (<i>bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)
Bà Lý Thị Tú Uyên	Thành viên (<i>bổ nhiệm từ ngày 15/04/2017</i>)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017, phản ánh một cách trung thực và hợp lý, tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và thực hiện kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Trách nhiệm của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính được lập và trình bày tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc,



Lưu Văn Tân
Giám đốc

Hà Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Số: 49 /2018/KT-AV2-TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 (“Công ty”), được lập ngày 28/03/2018, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 tại ngày 31/12/2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Quốc Trị
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0581-2018-055-1

Phan Lê Thành Long
Kiểm toán viên
Số giấy CN ĐKHN kiểm toán:
0922-2018-055-1

Thay mặt và đại diện
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN VIỆT

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.360.895.452	15.708.797.966
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		9.718.268.993	736.345.995
1. Tiền	111	5	9.718.268.993	736.345.995
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		28.613.816.719	14.654.874.273
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	7.806.387.899	6.506.971.803
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		76.000.000	-
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	20.000.000.000	7.600.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	731.428.820	547.902.470
III. Hàng tồn kho	140		1.028.809.740	317.577.698
1. Hàng tồn kho	141	9	1.028.809.740	317.577.698
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		320.871.622.603	336.067.132.333
I. Tài sản cố định	220		319.222.826.065	336.067.132.333
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	319.222.826.065	336.067.132.333
- Nguyên giá	222		414.011.870.227	413.586.070.227
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(94.789.044.162)	(77.518.937.894)
II. Tài sản dở dang dài hạn	240		1.648.796.538	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.648.796.538	-
TỔNG TÀI SẢN	270		360.232.518.055	351.775.930.299

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu số B01 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017	31/12/2016
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		191.507.654.524	208.040.043.694
I. Nợ ngắn hạn	310		20.957.339.298	19.489.728.468
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	256.613.500	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	13	1.455.229.857	758.449.406
3. Phải trả người lao động	314		699.915.434	593.030.961
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		92.360.795	91.154.561
5. Phải trả ngắn hạn khác	319	14	453.219.712	47.093.540
6. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	15.1	18.000.000.000	18.000.000.000
II. Nợ dài hạn	330		170.550.315.226	188.550.315.226
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	15.2	170.550.315.226	188.550.315.226
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		168.724.863.531	143.735.886.605
I. Vốn chủ sở hữu	410	16	168.724.863.531	143.735.886.605
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		150.000.000.000	150.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		150.000.000.000	150.000.000.000
2. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		18.724.863.531	(6.264.113.395)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		(6.264.113.395)	(17.897.330.130)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		24.988.976.926	11.633.216.735
TỔNG NGUỒN VỐN	440		360.232.518.055	351.775.930.299

Hà Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập

Nguyễn Thị Nhung

Kế toán trưởng

Bùi Quang Hùng

Giám đốc



Lưu Văn Tân

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2017

Mẫu số B02 - DN
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm	
			2017	2016
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	17	73.293.886.036	61.077.205.838
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	17	73.293.886.036	61.077.205.838
4. Giá vốn hàng bán	11	18	30.168.455.162	27.081.632.369
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		43.125.430.874	33.995.573.469
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	253.533.212	653.181.894
7. Chi phí tài chính	22		19.290.857.953	19.900.357.477
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.290.857.953	19.900.357.477
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	2.957.621.467	3.268.849.715
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		21.130.484.666	11.479.548.171
11. Thu nhập khác	31	22	5.005.783.041	302.282.440
12. Chi phí khác	32		10.100.000	148.613.876
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		4.995.683.041	153.668.564
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		26.126.167.707	11.633.216.735
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	23	1.137.190.781	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		24.988.976.926	11.633.216.735
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	24	1.666	776

Hà Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Nguyễn Thị Nhung

Bùi Quang Hùng

Lưu Văn Tân

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		26.126.167.707	11.633.216.735
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02	10	17.270.106.268	17.370.032.478
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	19	(253.533.212)	(555.225.015)
- Chi phí lãi vay	06		19.290.857.953	19.900.357.477
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		62.433.598.716	48.348.381.675
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.952.573.002)	1.631.523.935
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(711.232.042)	(4.533.062)
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và lãi vay phải trả)	11		974.097.494	(5.744.048.632)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.290.857.953)	(19.917.755.374)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	13	(643.677.445)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		40.809.355.768	24.313.568.542
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.074.596.538)	(45.563.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	63.636.364
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(20.000.000.000)	(18.500.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của các đơn vị khác	24		7.600.000.000	10.900.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		647.163.768	18.038.845
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(13.827.432.770)	(7.563.887.791)

Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (TIẾP THEO)
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2017

Mẫu số B03 - DN
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		-	2.722.599.764
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(18.000.000.000)	(19.004.839.221)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(18.000.000.000)</i>	<i>(16.282.239.457)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		8.981.922.998	467.441.294
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5	736.345.995	268.904.701
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	9.718.268.993	736.345.995

Hà Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kê toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Nhung



Bùi Quang Hùng



Lưu Văn Tân



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Chảy 5 (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Nghị quyết số 350/TCT/HĐQT của Tổng Công ty Sông Đà để đầu tư xây dựng Nhà máy thủy điện Sông Chảy 5. Ngày 07/10/2009, Công ty được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5100310438 lần đầu, lần điều chỉnh gần nhất là lần thứ 6 ngày 10/03/2015. Ngày 23/04/2010, Ủy ban Nhân dân Tỉnh Hà Giang cấp cho Công ty Giấy chứng nhận đầu tư số 10121000097 với thời gian thực hiện dự án là 50 năm kể từ ngày cấp giấy chứng nhận đầu tư. Công ty có trụ sở chính tại Xã Thèn Phàng, Huyện Xín Mần, Tỉnh Hà Giang.

Vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, mệnh giá cổ phần là 10.000 VND. Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán là SCH kể từ ngày 23/12/2016 theo Quyết định số 846/QĐ-SGDHN do Phó Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký ngày 16/12/2016.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là: 27 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 27 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh: Công ty hoạt động tổng hợp trên nhiều lĩnh vực.

1.3 Ngành nghề kinh doanh:

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh bao gồm:

- *Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư, xây dựng các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ; Xử lý công trình bằng phương pháp khoan phun, khoan phụt; Thi công bằng phương pháp khoan, nổ mìn;*
- *Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Sản xuất điện;*
- *Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao. Chi tiết: Sản xuất bê tông thương phẩm bằng trạm trộn tự động;*
- *Sản xuất sắt, thép, gang; Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;*
- *Sản xuất các cấu kiện kim loại; Khai thác quặng sắt;*
- *Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;*
- *Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác đá, cát, sỏi;*
- *Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Khai thác quặng Antimon và các loại phi kim khác;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác. Chi tiết: Thăm dò địa chất, chế biến khoáng sản (gồm những khoáng sản Nhà nước cho phép); Dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;*
- *Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Kinh doanh vật liệu xây dựng, bê tông thương phẩm; Sửa chữa máy móc, thiết bị;*
- *Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp. Chi tiết: Lắp đặt và vận hành các nhà máy thủy điện vừa và nhỏ;*
- *Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại. Chi tiết: Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại khác;*
- *Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ. Chi tiết: Xây dựng công trình đường bộ;*
- *Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;*
- *Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Mua bán, nhập khẩu: Vật tư, phụ tùng, thiết bị, xe máy thi công; Kinh doanh xuất khẩu khoáng sản (gồm những khoáng sản Nhà nước cho phép);*
- *Hoạt động dịch vụ tài chính khác chưa được phân vào đâu (trừ bảo hiểm và bảo hiểm xã hội). Chi tiết: Nhận ủy thác đầu tư của các tổ chức và cá nhân.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính: Thông tin trên báo cáo tài chính có khả năng so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Báo cáo tài chính được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), được lập dựa trên các nguyên tắc kế toán phù hợp với quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính, chuẩn mực kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này:

4.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại thời điểm báo cáo cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3 Tiền

Tiền phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán, bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.4 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua-bán.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản phải thu để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

4.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định theo giá gốc, trường hợp giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì hàng tồn kho được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

4.6 Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được xác định theo giá gốc.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm và xây dựng chuyển giao là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng, số khấu hao được tính bằng nguyên giá chia (:) cho thời gian hữu dụng ước tính, phù hợp với các quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính. Thời gian tính khấu hao cụ thể của các loại tài sản như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 30
Máy móc, thiết bị	06 - 20
Phương tiện vận tải	05 - 07

4.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc, phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như đối với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.8 Các khoản nợ phải trả**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua-bán;
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch có tính chất mua-bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Công ty căn cứ kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo của các khoản nợ phải trả để phân loại là dài hạn hoặc ngắn hạn.

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán. Khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng xảy ra, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả theo nguyên tắc thận trọng.

4.9 Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay ngân hàng. Các khoản đi vay được theo dõi chi tiết theo từng đối tượng cho vay, cho nợ, từng kế ước vay nợ và từng loại tài sản vay nợ; theo kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Các khoản có thời gian trả nợ còn lại trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính dài hạn. Các khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng tiếp theo kể từ thời điểm báo cáo được trình bày là vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

4.10 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

4.11 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày kết thúc kỳ kế toán bao gồm vốn góp cổ đông trong và ngoài doanh nghiệp, được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông góp cổ phần, tính theo mệnh giá cổ phiếu đã phát hành.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.12 Doanh thu và thu nhập khác***Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu từ việc bán điện được xác định và tính toán dựa trên Hợp đồng Mua bán điện giữa Công ty và Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc, một công ty con của Tập đoàn Điện lực Việt Nam. Doanh thu bao gồm tiền bán điện thương phẩm do Nhà máy Thủy điện Sông Cháy 5 sản xuất và được tính toán, ghi nhận mỗi tháng một lần dựa trên biểu giá được xác định từ trước nhân với sản lượng điện Công ty sản xuất được và chuyển giao cho Tổng Công ty Điện Lực Miền Bắc.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi và tiền cho vay, được xác định tương đối chắc chắn trên cơ sở số dư tiền gửi/cho vay và lãi suất thực tế từng kỳ.

Thu nhập khác phản ánh các khoản thu nhập phát sinh từ các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động kinh doanh thông thường của Công ty, ngoài các khoản doanh thu nêu trên.

4.13 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận theo thực tế phát sinh phù hợp với doanh thu, bao gồm chi phí khấu hao nhà máy thủy điện, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất chung khác.

4.14 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính chỉ bao gồm lãi tiền vay, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ theo thực tế phát sinh trên cơ sở số dư tiền vay và lãi suất vay thực tế từng kỳ.

4.15 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty phát sinh trong kỳ kế toán, bao gồm: chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí văn phòng phẩm, công cụ dụng cụ; khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp; thuế môn bài; dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); và chi phí bằng tiền khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.16 Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp phát sinh trong năm và số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. Thu nhập thuế thu nhập hiện hành phản ánh số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước.

Chi phí thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm. Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại phản ánh số chênh lệch giữa tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh trong năm lớn hơn tài sản thuế thu nhập hoãn lại được hoàn nhập trong năm hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả được hoàn nhập trong năm lớn hơn thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh trong năm. Công ty chưa xem xét việc trình bày thuế thu nhập hoãn lại.

Thu nhập tính thuế có thể khác với tổng lợi nhuận kế toán trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Theo Giấy chứng nhận đầu tư và các quy định hiện hành về thuế, Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 10% trên lợi nhuận tính thuế trong 15 năm đầu tính từ năm hoạt động đầu tiên (từ năm 2012 đến năm 2026) và 20% cho những năm tiếp theo. Công ty cũng được miễn thuế thu nhập trong 4 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (năm 2013) và giảm 50% trong 9 năm tiếp theo. Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Việc xác định các loại thuế của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định nghĩa vụ về các loại thuế tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

4.17 Công cụ tài chính*Ghi nhận ban đầu*Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty xác định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, chứng khoán kinh doanh, đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, phải thu khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***4.17 Công cụ tài chính (tiếp theo)**Nợ phải trả tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, nợ phải trả tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành nợ phải trả tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định phân loại các nợ phải trả tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, nợ phải trả tài chính được xác định theo giá gốc cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính được phản ánh theo giá trị hợp lý. Trường hợp chưa có quy định về việc xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính thì trình bày theo giá trị ghi sổ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán, nếu và chỉ nếu, Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

4.18 Bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan với Công ty nếu có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động hoặc có chung các thành viên quản lý chủ chốt hoặc cùng chịu sự chi phối của một công ty khác (cùng thuộc Tập đoàn, Tổng công ty).

Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này (bố, mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị em ruột).

Các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty: những người lãnh đạo, các nhân viên quản lý của Công ty và các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu ở trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc thông qua việc này người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty, bao gồm những doanh nghiệp được sở hữu bởi những người lãnh đạo hoặc các cổ đông chính của Công ty và những doanh nghiệp có chung một thành viên quản lý chủ chốt với Công ty.

Thông tin với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 7, 27.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***5. TIỀN**

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tiền mặt	145.114.056	251.692.294
Tiền gửi ngân hàng	9.573.154.937	484.653.701
Cộng	9.718.268.993	736.345.995

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	7.806.387.899	6.506.971.803
Cộng	7.806.387.899	6.506.971.803

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 5 - Công ty Mẹ (đến ngày 17/01/2017)	-	7.600.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư Phát triển hạ tầng viễn thông (*)	20.000.000.000	-
Cộng	20.000.000.000	7.600.000.000

(*) Khoản cho vay theo Hợp đồng cho vay ngắn hạn số 01/2017/HDTD/SCH-SC5 ngày 26/10/2017 với thời hạn 01 tháng kể từ ngày Bên vay nhận được tiền qua tài khoản và được tự động gia hạn tại ngày đáo hạn khi Bên cho vay chưa có thông báo về việc thu toàn bộ nợ gốc và lãi. Lãi suất là 6,5%/năm được trả định kỳ 01 tháng/lần.

8. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Phải thu lãi từ cho vay	111.944.444	505.575.000
Phải thu tạm ứng cho nhân viên	591.242.018	15.289.880
Phải thu khác	28.242.358	27.037.590
Cộng	731.428.820	547.902.470

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.021.790.574	308.159.532
Công cụ, dụng cụ	7.019.166	9.418.166
Cộng	1.028.809.740	317.577.698

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị tính: VND			
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Cộng
NGUYÊN GIÁ				
Tại ngày 31/12/2016	301.913.327.690	110.487.205.810	1.185.536.727	413.586.070.227
Tăng trong kỳ	-	425.800.000	-	425.800.000
Mua trong kỳ	-	425.800.000	-	425.800.000
Tại ngày 31/12/2017	<u>301.913.327.690</u>	<u>110.913.005.810</u>	<u>1.185.536.727</u>	<u>414.011.870.227</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Tại ngày 31/12/2016	52.029.587.737	24.332.153.238	1.157.196.919	77.518.937.894
Khấu hao	11.675.054.772	5.566.711.688	28.339.808	17.270.106.268
Tại ngày 31/12/2017	<u>63.704.642.509</u>	<u>29.898.864.926</u>	<u>1.185.536.727</u>	<u>94.789.044.162</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày 31/12/2016	<u>249.883.739.953</u>	<u>86.155.052.572</u>	<u>28.339.808</u>	<u>336.067.132.333</u>
Tại ngày 31/12/2017	<u>238.208.685.181</u>	<u>81.014.140.884</u>	<u>-</u>	<u>319.222.826.065</u>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết còn sử dụng tại ngày 31/12/2017 là 1.268.239.227 VND (tại ngày 31/12/2016 là 316.022.499 VND).

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Số đầu năm	-	-
Tăng trong năm	2.074.596.538	-
Mua sắm tài sản cố định	425.800.000	-
Xây dựng cơ bản	1.648.796.538	-
Giảm trong năm	425.800.000	-
Kết chuyển sang tài sản cố định	425.800.000	-
Số cuối năm (*)	1.648.796.538	-

(*) Công trình Đường dây 35KV nối từ Nhà máy Thủy điện Sông Chảy 5 đến Thị trấn Cốc Pài, Huyện Xín Mần để đầu nối vào hệ thống mạng lưới điện quốc gia.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
HTX Chiến Cường	37.768.500	-
Công ty TNHH MTV Thí nghiệm điện Miền Bắc	218.845.000	-
Cộng	256.613.500	-

13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế GTGT	550.831.073	6.660.222.023	6.567.682.959	643.370.137
Thuế TNDN	-	1.137.190.781	643.677.445	493.513.336
Thuế TNCN	16.652.851	36.223.615	51.465.553	1.410.913
Thuế tài nguyên	190.965.482	4.899.240.724	4.773.270.735	316.935.471
Lệ phí môn bài	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	758.449.406	12.735.877.143	12.039.096.692	1.455.229.857
Trong đó				
Phải nộp	758.449.406			1.455.229.857

14. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
Phí dịch vụ môi trường rừng	432.326.644	47.093.540
Các khoản phải trả khác	20.893.068	-
Cộng	453.219.712	47.093.540

15. VAY

	31/12/2017	31/12/2016
	VND	VND
15.1 Ngắn hạn	18.000.000.000	18.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (*)	18.000.000.000	18.000.000.000
15.2 Dài hạn	170.550.315.226	188.550.315.226
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1 (*)	170.550.315.226	188.550.315.226

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

15. VAY (TIẾP)

(*) Khoản vay dài hạn theo hợp đồng tín dụng số 01/2015/3107710/HĐTĐ ngày 13/08/2015 ký kết giữa Công ty và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Sở giao dịch 1. Tài sản thế chấp cho khoản vay là Nhà máy Thủy điện Sông Chảy 5 tại Xã Thèn Phàng - Xã Ngán Chiên, Huyện Xín Mần, Tỉnh Hà Giang. Mục đích của khoản vay là để dịch chuyển dư nợ đối với khoản vay đầu tư Dự án Thủy điện Sông Chảy 5 tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Giang và cho vay bổ sung thanh toán các chi phí khác.

Thông tin chi tiết liên quan đến khoản vay như sau:

- Số tiền vay: 236.278.904.091 VND
- Lãi suất vay: Lãi suất được thả nổi, điều chỉnh 6 tháng/lần vào ngày đầu tiên của Quý 1 và Quý 3 hàng năm. Lãi suất được áp dụng cho 6 tháng đầu và 6 tháng cuối năm 2017 lần lượt là 9,9%/năm và 10,1%/năm.
- Ngày đáo hạn: 25/12/2026
- Kỳ trả nợ: Trả nợ gốc và lãi trong 45 kỳ vào ngày 25 hàng tháng 3, 6, 9, 12 hàng năm, kỳ trả nợ đầu tiên bắt đầu từ ngày 25/12/2015.
- Số dư tiền vay tại ngày 31/12/2017: 188.550.315.226 VND.
- Số gốc vay phải trả trong năm 2018: 18.000.000.000 VND.

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	LNST chưa phân phối	Đơn vị tính: VND Cộng
Tại ngày 31/12/2015	150.000.000.000	(17.897.330.130)	132.102.669.870
Lãi trong năm	-	11.633.216.735	11.633.216.735
Tại ngày 31/12/2016	150.000.000.000	(6.264.113.395)	143.735.886.605
Lãi trong năm	-	24.988.976.926	24.988.976.926
Tại ngày 31/12/2017	150.000.000.000	18.724.863.531	168.724.863.531

CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Vốn cổ phần thường (VND)	Số cổ phần (cổ phần)	Vốn cổ phần thường (VND)	Số cổ phần (cổ phần)
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	-	-	132.000.000.000	13.200.000
Phạm Công Nhân	-	-	17.900.000.000	1.790.000
CTCP Đầu tư Phát triển Dịch vụ và Năng lượng Quang Phúc	50.980.100.000	5.098.010	-	-
CTCP Dịch vụ Năng lượng SBM	36.000.000.000	3.600.000	-	-
CTCP Đầu tư và Dịch vụ Năng lượng Hạ Long	36.000.000.000	3.600.000	-	-
CTCP Đầu tư và Dịch vụ Năng lượng Bát Cảnh Sơn	27.000.000.000	2.700.000	-	-
Các cổ đông khác	19.900.000	1.990	100.000.000	10.000
Cộng	150.000.000.000	15.000.000	150.000.000.000	15.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

17. DOANH THU

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.293.886.036	61.077.205.838
Doanh thu bán thành phẩm	73.293.886.036	61.077.205.838
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	73.293.886.036	61.077.205.838

18. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	30.168.455.162	27.081.632.369
Cộng	30.168.455.162	27.081.632.369

19. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi và cho vay	253.533.212	523.613.845
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	129.568.049
Cộng	253.533.212	653.181.894

20. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nhân viên	1.488.193.324	1.664.773.259
Chi phí khấu hao	28.339.808	158.702.784
Chi phí đồ dùng văn phòng	80.728.500	132.241.146
Chi phí dịch vụ mua ngoài	318.586.205	152.098.565
Chi phí bằng tiền khác	1.041.773.630	1.161.033.961
Cộng	2.957.621.467	3.268.849.715

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	643.893.690	519.023.667
Chi phí nhân công	4.202.789.560	4.721.846.031
Chi phí khấu hao	17.270.106.268	17.370.032.478
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.736.574.449	152.098.565
Chi phí khác bằng tiền	7.272.712.662	7.587.481.343
Cộng	33.126.076.629	30.350.482.084

22. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi từ thanh lý, nhượng bán tài sản	-	63.636.364
Tiền đền bù (*)	5.000.000.000	-
Các khoản khác	5.783.041	238.646.076
Cộng	5.005.783.041	302.282.440

(*) Khoản tiền nhận đền bù một lần cho những năm tiếp theo chi phí nạo vét hạ lưu Sông Cháy theo Biên bản thỏa thuận điều chỉnh mực nước dâng bình thường của Dự án Thủy điện Sông Cháy 6 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Thủy điện Sông Cháy 6.

23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Tổng lợi nhuận kế toán (1)	26.126.167.707	11.633.216.735
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán		
Các khoản điều chỉnh tăng (2)	308.700.000	536.588.682
- Chi phí không hợp lệ	10.700.000	536.588.682
- Thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	298.000.000	-
Các khoản điều chỉnh giảm (3)	-	-
Lỗ năm trước chuyển sang (4)	(3.691.052.091)	(12.169.805.417)
Tổng lợi nhuận tính thuế (5)=(1)+(2)-(3)+(4)	22.743.815.616	-
Thuế suất thuế TNDN (6)	10%	10%
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập tính thuế năm hiện hành (7)=(5)*(6)	2.274.381.562	-
Thuế TNDN được giảm trong năm (8)	(1.137.190.781)	-
Chi phí thuế TNDN hiện hành (9)=(7)+(8)	1.137.190.781	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**CỔ PHIẾU

	31/12/2017	31/12/2016
	<u>Số lượng</u>	<u>Số lượng</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2017	Năm 2016
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.988.976.926	11.633.216.735
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	24.988.976.926	11.633.216.735
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	15.000.000	15.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.666	776

Không có sự tác động của các công cụ trong tương lai có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu, bao gồm: Quyền chọn mua chứng quyền và các công cụ tương đương; công cụ tài chính có thể chuyển đổi; cổ phiếu phổ thông phát hành có điều kiện; hợp đồng được thanh toán bằng cổ phiếu phổ thông hoặc bằng tiền; các quyền chọn đã được mua; quyền chọn bán đã phát hành... nên không có dấu hiệu cho thấy lãi suy giảm trên cổ phiếu sẽ nhỏ hơn lãi cơ bản trên cổ phiếu.

25. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Ban Giám đốc khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày 31/12/2017 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017.

26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNHCác loại công cụ tài chính

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, nợ phải trả tài chính và công cụ vốn được trình bày tại thuyết minh số 4.17.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

	Giá trị ghi sổ 31/12/2017 VND	Giá trị ghi sổ 31/12/2016 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	9.718.268.993	736.345.995
Phải thu của khách hàng	7.806.387.899	6.506.971.803
Phải thu từ cho vay	20.000.000.000	7.600.000.000
Phải thu khác	731.428.820	547.902.470
Cộng	38.256.085.712	15.391.220.268
Nợ tài chính		
Phải trả người bán	256.613.500	-
Chi phí phải trả	92.360.795	91.154.561
Phải trả khác	453.219.712	47.093.540
Vay và nợ thuê tài chính	188.550.315.226	206.550.315.226
Cộng	189.352.509.233	206.688.563.327

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Các hoạt động của Công ty phải chịu rủi ro lãi suất, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đặt mục tiêu và các nguyên tắc cơ bản về quản lý rủi ro tài chính cho Công ty. Ban Giám đốc lập các chính sách chi tiết như nhận diện và đo lường rủi ro, hạn mức rủi ro và các chiến lược phòng ngừa rủi ro. Việc quản lý rủi ro tài chính được nhân sự thuộc bộ phận tài chính thực hiện.

Các nhân sự thuộc bộ phận tài chính đo lường mức độ rủi ro thực tế so với hạn mức được đề ra và lập báo cáo thường xuyên để Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc xem xét. Thông tin trình bày sau đây là dựa trên thông tin mà Ban Giám đốc nhận được.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất của Công ty đến từ khoản vay dài hạn với lãi suất thả nổi được điều chỉnh 6 tháng 1 lần. Để giảm thiểu rủi ro này, Ban Giám đốc đã ước tính ảnh hưởng của chi phí lãi vay từng thời kỳ cũng như phân tích, dự báo trước biến động có thể có của khoản chi phí này. Ban Giám đốc cho rằng rủi ro về biến động lãi suất ngoài dự tính của Công ty ở mức thấp.

Rủi ro tín dụng

Chính sách của Công ty là chỉ giao dịch với các khách hàng có quá trình tín dụng tốt và thu được đủ tài sản đảm bảo phù hợp nhằm giảm rủi ro tín dụng. Đối với các tài sản tài chính khác, chính sách của Công ty là giao dịch với các tổ chức tài chính và các đối tác khác có xếp hạng tín nhiệm cao. Mức rủi ro tín dụng tối đa đối với mỗi nhóm tài sản tài chính bằng với giá trị ghi sổ của nhóm công cụ tài chính đó trên bảng cân đối kế toán. Các nhóm tài sản tài chính lớn của Công ty là tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, phải thu của khách hàng, phải thu về cho vay và phải thu khác.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

*(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)***26. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP)****Rủi ro tín dụng (tiếp)**

Tiền gửi ngân hàng không quá hạn cũng không bị giảm giá là các khoản tiền gửi chủ yếu tại các ngân hàng có xếp hạng tín nhiệm cao theo xác định của các cơ quan xếp hạng tín nhiệm quốc tế. Phải thu khách hàng, phải thu từ cho vay và phải thu khác không quá hạn cũng không bị giảm giá chủ yếu là từ các đối tượng có quá trình thanh toán tốt cho Công ty.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn trong việc đáp ứng các nghĩa vụ gắn liền với các khoản nợ tài chính được thanh toán bằng cách giao tiền mặt hoặc một tài sản tài chính khác. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn.

Đo lường theo giá trị hợp lý

Giá gốc trừ dự phòng (nếu có) đối với các khoản phải thu khách hàng, phải thu về cho vay, phải thu khác, phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả khác, vay và nợ thuê tài chính là gần bằng với giá trị hợp lý của chúng.

27. THÔNG TIN VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**Giao dịch với các bên liên quan**

Bên liên quan	Mối quan hệ	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	Công ty Mẹ		
Cho vay	(Đến ngày	-	18.500.000.000
Thu hồi khoản cho vay	17/01/2017)	7.600.000.000	10.900.000.000
Thu lãi cho vay		505.575.000	-
Công ty TNHH Sơn Lâm	Cổ đông		
Chi phí công trình sửa chữa, nạo vét lòng sông	(Đến ngày	2.168.334.245	-
	26/11/2017)		
Thành viên hội đồng quản trị			
Thù lao		505.600.000	420.000.000

Số dư với bên liên quan

Số dư với các bên liên quan được trình bày tại thuyết minh số 8.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU SỐ B09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 11 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính)

28. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG Việt Nam với ý kiến của Kiểm toán viên chấp nhận toàn phần.

Hà Giang, ngày 28 tháng 03 năm 2018

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Nhung

Bùi Quang Hùng

Lưu Văn Tân

